

BỘ QUỐC PHÒNG
Số: 101/2008/TT-BQP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 7 năm 2008

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia

Ngày 31 tháng 10 năm 2006 Chính phủ ban hành Nghị định số 129/2006/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia (sau đây gọi là Nghị định số 129/2006/NĐ-CP); ngày 02 tháng 4 năm 2008 Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh số 04/2008/UBTVQH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện xử phạt hành chính trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

1.1. Xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức có hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia (Quy chế biên giới, Quy chế khu vực biên giới, Quy chế cửa khẩu biên giới đất liền, cảng biển) mà không phải là tội phạm và theo quy định của Nghị định số 129/2006/NĐ-CP phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

1.2. Phạm vi khu vực biên giới đất liền bao gồm các xã, phường, thị trấn có địa giới hành chính tiếp giáp với đường biên giới quốc gia trên đất liền quy định tại Nghị định số 34/2000/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2000 của Chính phủ về quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi là Nghị định số 34/2000/NĐ-CP).

1.3. Phạm vi khu vực biên giới biển tính từ biên giới quốc gia trên biển vào hết địa giới hành chính các xã, phường, thị trấn giáp biển và đảo, quần đảo được quy định tại Nghị định số 161/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới biển (sau đây gọi là Nghị định số 161/2003/NĐ-CP).

1.4. Khu vực cửa khẩu bao gồm khu vực cửa khẩu biên giới đất liền và cảng biển:

- Khu vực cửa khẩu biên giới đất liền là các khu vực cụ thể được quy định tại Nghị định số 32/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về Quy chế cửa khẩu biên giới đất liền (sau đây gọi là Nghị định số 32/2005/NĐ-CP).

- Cảng biển bao gồm vùng đất và vùng nước cảng được quy định tại Điều 5 Nghị định số 71/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải và Nghị định số 50/2008/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng biển.

2. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính

2.1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam, cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì bị xử phạt vi phạm hành chính. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

2.2. Người chưa thành niên vi phạm hành chính trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 7 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

3. Những trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính

3.1. Người có hành vi vi phạm thuộc tình thế cấp thiết.

3.2. Người có hành vi vi phạm thuộc trường hợp phòng vệ chính đáng.

3.3. Người thực hiện hành vi vi phạm do sự kiện bất ngờ.

3.4. Người thực hiện vi phạm hành chính trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

3.5. Cá nhân, tổ chức nước ngoài thuộc diện được hưởng quyền miễn trừ theo quy định của Pháp lệnh về quyền ưu đãi miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

3.6. Hết thời hạn xử phạt theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 129/2006/NĐ-CP.

3.7. Hành vi vi phạm có dấu hiệu phạm tội.

4. Hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả

4.1. Phạt cảnh cáo

Hình thức xử phạt cảnh cáo được áp dụng chủ yếu đối với cư dân cư trú ở khu vực biên giới có trình độ văn hóa xã hội còn hạn chế, động cơ, mục đích vi phạm do không hiểu biết hoặc nhận thức không đầy đủ mà vi phạm lần đầu, có tình tiết giảm nhẹ hoặc có hoàn cảnh khó khăn được Ủy ban nhân dân nơi cư trú xác nhận.

4.2. Phạt tiền

Nghị định số 129/2006/NĐ-CP quy định mức tiền phạt tối thiểu là 100.000 đồng và tối đa là 30.000.000 đồng. Khi áp dụng hình thức phạt tiền phải căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đối tượng cụ thể để quyết định mức xử phạt cho phù hợp.

Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó. Trường hợp có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt được giảm xuống, nhưng không thấp hơn mức tối thiểu của khung tiền phạt. Trường hợp có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể được tăng lên, nhưng không vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt.

Mức trung bình của khung tiền phạt được xác định bằng cách chia đôi tổng số của mức tối thiểu và mức tối đa của khung tiền phạt.

4.3. Biện pháp khắc phục hậu quả

Ngoài các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, Điều 6 Nghị định số 129/2006/NĐ-CP bổ sung hai biện pháp khắc phục hậu quả để áp dụng đối với một số hành vi vi phạm trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia: buộc phải rời khỏi khu vực cửa khẩu, khu vực biên giới và buộc nộp lại giấy phép đi bờ đã cấp cho thuyền viên, nhân viên khi tàu thuyền nước ngoài neo đậu tại cảng.

Khi áp dụng hai biện pháp này cần chú ý:

- Biện pháp buộc phải rời khỏi khu vực cửa khẩu, khu vực biên giới được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy chế khu vực biên giới, khu vực

cửa khẩu như: vi phạm về cư trú, đi lại, hành nghề trái phép trong khu vực biên giới, khu vực cửa khẩu; người nước ngoài vào vành đai biên giới, khu vực biên giới không có giấy tờ theo quy định.

- Biện pháp buộc nộp lại giấy phép đi bờ chỉ áp dụng đối với thuyền viên, nhân viên nước ngoài khi tàu thuyền nước ngoài neo đậu tại cảng đã được cấp giấy phép đi bờ nhưng không chấp hành quy định về thời gian, phạm vi được phép đi bờ và các nội dung ghi trong giấy phép.

II. HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH QUY ĐỊNH TẠI CHƯƠNG II CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 129/2006/NĐ-CP

1. Hành vi vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ đường biên giới quốc gia, mốc quốc giới, dấu hiệu đường biên giới (quy định tại Điều 7)

1.1. Hành vi quy định tại khoản 1 Điều 7, điểm b khoản 3 Điều 7 là hành vi viết, vẽ, tẩy xóa nội dung ghi trên mốc quốc giới hoặc hành vi đập, phá, di chuyển mốc quốc giới, dấu hiệu đường biên giới; xây kè, đào kênh, mương, đổ đất đá, chất thải xuống sông, suối, kênh, rạch biên giới hoặc những hành vi khác làm thay đổi dòng chảy sông, suối biên giới, làm sai lệch dấu hiệu đường biên giới quốc gia.

1.2. Hành vi quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 7 là hành vi in ấn, sao chụp, xuất bản bản đồ, sách, báo, tài liệu về đường biên giới quốc gia khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền hoặc thể hiện sai lệch về đường biên giới quốc gia trên bộ, trên biển.

1.3. Hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 là hành vi khoan, đào hoặc sử dụng các thiết bị công nghệ để thăm dò địa chất hoặc hành vi khai thác cát, sỏi, khoáng sản trong khu vực biên giới làm sạt lở kè đập trên sông, suối biên giới dẫn đến sai lệch đường biên giới hoặc sạt lở, đổ vỡ mốc quốc giới.

2. Hành vi vi phạm các quy định về qua lại biên giới, xâm canh, xâm cư và các hành vi khác gây nguy hại cho quốc phòng, an ninh, sức khỏe con người ở khu vực biên giới (quy định tại Điều 8)

2.1. Hành vi qua lại biên giới không có giấy tờ theo quy định của pháp luật được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 là hành vi của người cư trú ở khu vực biên giới (cư

dân biên giới) qua lại biên giới không có các giấy tờ sau:

- Tuyến biên giới Việt Nam – Trung quốc phải có giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới (trường hợp giấy thông hành không có ảnh thì phải kèm theo chứng minh thư của mình) hoặc giấy thông hành nhập, xuất cảnh (sử dụng cho mục đích tham quan, du lịch) theo thỏa thuận giữa Việt Nam và Trung Quốc.

- Tuyến biên giới Việt Nam – Lào phải có một trong các giấy tờ sau:

- + Giấy thông hành biên giới;

- + Giấy chứng minh biên giới hoặc giấy chứng minh nhân dân có xác định đăng ký hộ khẩu thường trú ở khu vực biên giới.

- + Giấy chứng nhận cư dân biên giới.

- Tuyến biên giới Việt Nam - Cam Pu Chia phải có một trong các giấy tờ sau:

- + Giấy chứng minh biên giới hoặc giấy chứng minh nhân dân có xác định đăng ký hộ khẩu thường trú ở khu vực biên giới.

- + Giấy thông hành biên giới.

2.2. Hành vi qua lại biên giới không đúng các điểm quy định dành cho việc qua lại biên giới quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 được áp dụng đối với hai trường hợp sau:

- Trường hợp 1: cư dân cư trú ở khu vực biên giới bên này được phép sang khu vực biên giới bên kia, nhưng không đi qua đúng cửa khẩu quy định (gồm cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính, cửa khẩu phụ hoặc đường qua lại theo thỏa thuận).

Ví dụ: Người trong khu vực biên giới bên này được phép sang khu vực biên giới bên kia nhưng không đi qua cửa khẩu quy định mà đi qua đường mòn hoặc qua sông, suối không cho phép qua lại.

- Trường hợp 2: người Việt Nam, người nước ngoài được phép xuất, nhập cảnh nhưng không qua đúng cửa khẩu quy định (gồm cửa khẩu chính, cửa khẩu quốc tế) mà đi qua cửa khẩu phụ hoặc đường qua lại theo thỏa thuận.

2.3. Hành vi vi phạm quy định về thời gian qua lại biên giới quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 (thời gian ở lại Việt Nam hoặc nước ngoài) được áp dụng đối với cư dân cư trú ở khu vực biên giới bên này được phép qua khu vực biên giới bên kia nhưng lưu